

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNGHÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 23-3-2022.

V/v ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Hồng Phương.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Hà Thị Dung.

Ông Đinh Thanh Hải.

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:*

Bà Lê Ngọc Kim Loan – Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 3 năm 2022, tại hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2021 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2022/QĐXX-ST ngày 10 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Lương Thị Ngọc C, sinh năm 1995.

Nơi đăng ký HKTT: Xóm L, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Chỗ ở hiện nay: hokkaido, akkeshi gun, akkeshi chou, minato machi, 3 choume 47 banchi, Nhật Bản. Có đơn xin xử vắng mặt.

**2. Bị đơn:** Anh Lý Thanh B, sinh năm 1991.

Nơi đăng ký HKTT: Xóm L, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Có đơn xin xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai nguyên đơn chị Lương Thị Ngọc C trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lương Thị Ngọc C và anh Lý Thanh B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tình cảm, không bị ai ép buộc, có được tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tháng 9 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam. Thời gian đầu kết hôn vợ chồng về sống chung hạnh phúc, hòa thuận. Được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp về tính cách, không có tiếng nói chung. Đến năm 2018 chị C đi lao động xuất khẩu tại Nhật Bản. Bản thân chị cũng đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Do khoảng cách địa lý xa nhau nên tình cảm

vợ chồng ngày càng phai nhạt, không còn tình cảm. Chị cũng đã nhiều lần liên hệ về trao đổi với anh B về việc ly hôn nhưng anh B không đồng ý. Chị thấy tình cảm vợ chồng ngày càng căng thẳng, không thể hàn gắn được, tiếp tục kéo dài cuộc hôn nhân thì cả hai cũng không hạnh phúc. Bản thân chị xác định không còn tình cảm với anh B và có nguyện vọng được ly hôn với anh B để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lý Gia B1, sinh ngày 08/3/2016. Do hiện nay chị đang sinh sống và làm việc tại Nhật Bản, cháu Bảo hiện đang ở cùng anh B tại Xóm L, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên nên khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cháu B1 cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Về cấp dưỡng: Chị tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng là 1.500.000đ/tháng. Thời gian cấp dưỡng từ ngày bản án giải quyết việc ly hôn của chị có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu B1 trưởng thành. Đề nghị Tòa ghi nhận sự tự nguyện này.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai bị đơn anh Lý Thanh B trình bày: Anh B xác định về quan hệ hôn nhân phù hợp với lời khai của chị C. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với bố mẹ anh tại Xóm L, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Thời gian đầu vợ chồng chung sống vui vẻ, hạnh phúc. Đến tháng 12 năm 2018 chị C sang Nhật Bản làm việc. Thời gian đầu vợ chồng vẫn giữ liên lạc và chị C có gửi tiền về cho bố mẹ tôi để trả nợ số tiền ông bà cho vay để chị C đi nước ngoài. Từ năm 2019 đến nay vợ chồng ít liên lạc, đến nay chị C chỉ gọi điện về hỏi thăm con, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa, chị C cũng không gửi tiền về cho anh nuôi con. Về việc chị C xin ly hôn anh chỉ được biết khi nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên. Bản thân anh không mong muốn vợ chồng ly hôn, nhưng nếu chị C cương quyết xin ly hôn anh cũng nhất trí.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung như chị C đã khai là đúng. Hiện cháu đang ở cùng anh và ông bà nội. Khi ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi con chung để đảm bảo việc ăn học, sinh hoạt ổn định cho con, do cháu vẫn ở với anh từ khi chị C đi lao động xuất khẩu ở nước ngoài đến nay. Về nghĩa vụ cấp dưỡng, anh đồng ý với việc chị C tự nguyện cấp dưỡng cho cháu 1.500.000 đồng/tháng. Ngoài ra anh không có ý kiến gì khác.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Anh B xác định không có, không đề nghị gì khác.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Các đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật tại Điều 68, 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị C, cho chị C được ly hôn anh B. Giao 01 con chung là Lý Gia B1, sinh ngày 08/3/2016 cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự thỏa thuận

của đương sự về việc cấp dưỡng. Chị C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh B 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi cháu B1 đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung hai bên đều xác định không có nên không giải quyết. Chị C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên được quy định tại khoản 1 Điều 28 và Điều 37 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Do nguyên đơn là người Việt Nam hiện đang ở Nhật Bản, có địa chỉ cụ thể tại Hokkaido, Akkeshi gun, Akkeshi chuo, Minato machi, 3 Chome 47 Banchi, Nhật Bản và có xác nhận của lãnh sự quán của Việt Nam tại Nhật Bản.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn hiện đang nước ngoài có địa chỉ cụ thể, không đến Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên để tham gia tố tụng và ủy quyền cho anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1995 – Địa chỉ: VT, B, Q để nhận những văn bản tố tụng của Tòa án, thay nguyên đơn nộp các khoản lệ phí, án phí của Tòa án. Căn cứ Điều 207 Bộ luật tố tụng Dân sự, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được.

Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228, khoản 5 Điều 477 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung: Hôn nhân giữa chị Lương Thị Ngọc C và anh Lý Thanh B trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do trong cuộc sống vợ chồng giữa chị C và anh B có khoảng cách địa lý xa nhau, vợ chồng không thể chia sẻ và quan tâm đến nhau thường xuyên, không có tiếng nói chung khi có sự bất đồng về quan điểm sống. Chị C xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh B và xin được ly hôn. Anh B nhất trí ly hôn với chị C.

Như vậy, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị C và anh B đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai anh chị đều nhất trí ly hôn nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C, cho chị C được ly hôn với anh B là phù hợp thực tế và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam.

[3] Về con chung: Quá trình giải quyết vụ án, chị C và anh B đều xác định có 01 con chung là Lý Gia B1, sinh ngày 08/3/2016. Khi ly hôn, chị C và anh B nhất trí để anh B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục chăm sóc con chung. Chị C tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng cho anh B là 1.500.000 đồng. Anh B nhất

trí mức cấp dưỡng nuôi con của chị C. Hội đồng xét xử thấy, cháu Lý Gia B1 hiện nay đang ở cùng anh B và ông bà nội tại Xóm L, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, chị Lương Thị Ngọc C và anh Lý Thanh B đều thống nhất giao con chung là cháu Lý Gia B1, sinh ngày 08/3/2016 cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và phù hợp với sự thỏa thuận của các đương sự, đảm bảo đúng các quy định của pháp luật tại Điều 81;82; 83 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng của các đương sự. Chị C có nghĩa vụ cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung cho anh B mỗi tháng là 1.500.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

Chị C có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung và được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác khi các bên đương sự có yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị C và anh B đều xác định không có, không yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử không giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Án phí: Chị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4] Về đường lối giải quyết vụ án được đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

Bởi các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng Điều 28, 37, khoản 2 Điều 38, Điều 147, Điều 207, Khoản 1 Điều 228 và khoản 5 Điều 477 và Điều 479 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 51; 56; 58; 81; 82; 83, Điều 127 Luật hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lương Thị Ngọc C đối với anh Lý Thanh B.

1. Về hôn nhân: Cho chị Lương Thị Ngọc C được ly hôn anh Lý Thanh B.

2. Về con chung: Giao con chung là Lý Gia B1, sinh ngày 08/3/2016 cho anh Lý Thanh B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Chị C có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị C có nghĩa vụ cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung cho anh B mỗi tháng là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

3. Tài sản chung, nợ chung: Chưa giải quyết.

4. Án phí: Chị Lương Thị Ngọc C phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con. Được trừ vào số tiền

300.000đ tạm ứng án phí ly hôn đã nộp, biên lai số 0000033 ngày 09/11/2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

Chị C được quyền kháng cáo bản án trong hạn một tháng kể từ ngày nhận được bản sao bản án. Anh B được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lê Thị Hồng Phương**